TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH
Bản án số: 102/2023/DS-PT
Ngày: 31/7/2023
V/v tranh chấp chia di sản thừa kế

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thắm

Các Thẩm phán: Ông Võ Công Phương

Ông Phan Minh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Duy Phương là thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 242/2022/TLPT-DS ngày 26 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp chia di sản thừa kế.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 24 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Phù Cát bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 104/2023/QĐ-PT ngày 01 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Hồ Văn Ch, sinh năm 1965; nơi cư trú: Tổ 9, thị trấn PM, huyện PM, tỉnh BĐ (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Bà Hồ Thị Th, sinh năm 1971 (có mặt).

2. Ông Nguyễn Thế V, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: Thôn Đại Ân, xã CNH, huyện PC, tỉnh BĐ

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Hồ Thị X, sinh năm 1939; nơi cư trú: Thôn Đại Ân, xã CNH, huyện PC, tỉnh BĐ (có mặt).

2. Bà Hồ Thị Th, sinh năm 1947; nơi cư trú: Số nhà 288, đường Trương Định, phường Thắng Lợi, thành phố GIL, tỉnh GIL (có mặt).

3. Bà Hồ Thị L, sinh năm 1953; nơi cư trú: Thôn Gò Đền, xã Tân Hải, huyện NH, tỉnh NTH (có mặt).

4. Ông Trần Đình H**,** sinh năm: 1925; nơi cư trú: Số nhà 475 Quang Trung, thị trấn NGM, huyện PC, tỉnh BĐ.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Đình Hóa: Bà Trần Thị Phương H, sinh năm 1973; nơi cư trú: Số 176 Hoàng Diệu, phường Thành Công, thành phố BMTH, tỉnh ĐL (Hợp đồng ủy quyền ngày 27/6/2022) (có mặt).

5. Bà Hồ Thị Ch, sinh năm 1969; nơi cư trú: Thôn Trà Quang Nam, thị trấn PM, huyện PM, tỉnh BĐ (có mặt).

6. Ông Hồ Văn Th, sinh năm 1958; nơi cư trú: Thôn Đại Ân, xã CNH, huyện PC, tỉnh BĐ (có mặt).

7. Bà Hoàng Thị Thúy L, sinh năm 1959; nơi cư trú: Ấp Hàng Gòn, xã Hàng Gòn, thành phố LKH, tỉnh ĐN (vắng mặt).

8. Anh Hồ Hoàng Thế V, sinh năm 1982; nơi cư trú: Ấp Hàng Gòn, xã Hàng Gòn, thành phố LKH, tỉnh ĐN (vắng mặt).

9. Chị Hồ Thị Xuân H, sinh năm 1980; nơi cư trú: Số 211 đường Võ Văn Ngân, khu phố 4, phường Linh Chiểu, thành phố HCM (vắng mặt).

10. Anh Hồ Hoàng Anh V, sinh năm 1985; nơi cư trú: Số 70A Tô Vĩnh Diện, phường Linh Chiểu, thành phố TĐ, thành phố HCM (vắng mặt).

11. Chị Hồ Thị Thiên H, sinh năm 1988; nơi cư trú: Số 44 Tô Ngọc Vân, phường Linh Tây, thành phố TĐ, thành phố HCM (vắng mặt).

12. Bà Lê Thị M, sinh năm 1960; nơi cư trú: Thôn 10, xã Đăk Ta Ley, huyện MY, tỉnh GIL (có mặt).

13. Anh Trần Thanh Ph, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn 10, xã Đăk Ta Ley, huyện MY, tỉnh GIL (vắng mặt).

14. Anh Trần Duy Kh, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn 10, xã Đăk Ta Ley, huyện MY, tỉnh GIL (vắng mặt).

15. Ông Trần Đình Th, sinh năm 1963; nơi cư trú: Thôn Trà Quang, thị trấn PM, huyện PM, tỉnh BĐ (vắng mặt).

16. Bà Trần Thị Bích L, sinh năm: 1963; nơi cư trú: Khu An Phú, thị trấn NGM, huyện PC, tỉnh BĐ (có mặt).

17. Ông Trần Đình H, sinh năm 1960; nơi cư trú: Khu An Kiều, thị trấn NGM, huyện PC, tỉnh BĐ (vắng mặt).

18. Bà Trần Thị Bích Ng, sinh năm 1965; nơi cư trú: Khu An Thọ, thị trấn NGM, huyện PC, tỉnh BĐ (có mặt).

19. Ông Trần Đình H, sinh năm 1977; nơi cư trú: Khu An Kiều, thị trấn NGM, huyện PC, tỉnh BĐ (vắng mặt).

20. Bà Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1983; nơi cư trú: Khu An Khương, thị trấn NGM, huyện PC, tỉnh BĐ (có mặt).

21. Ông Trần Đình H, sinh năm 1975; nơi cư trú: Tổ 15B, khu phố Hương Phước, phường Phước Tân, thành phố BH, tỉnh ĐN (vắng mặt).

22. Ông Trần Đình H, sinh năm 1970; nơi cư trú: Khu An Khương, thị trấn NGM, huyện PC, tỉnh BĐ (vắng mặt).

23. Bà Trần Thị Phương H, sinh năm 1973; nơi cư trú: Số 176 Hoàng Diệu, phường Thành Công, thành phố BMT, tỉnh ĐL (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của: Bà Nguyễn Thị Trúc, bà Lê Thị Mai, ông Trần Đình Hải, ông Trần Thanh Phú, ông Trần Đình Hoàng, ông Trần Đình Thịnh, ông Trần Đình Hồ, bà Trần Thị Bích Liên, ông Trần Duy Khanh, bà Trần Thị Bích Ngọc, ông Trần Đình Hợp là Bà Trần Thị Phương Hà, sinh năm 1973; nơi cư trú: Số 176 Hoàng Diệu, phường Thành Công, thành phố Buôn Mê Thuộc, tỉnh Đắk Lắk (Hợp đồng ủy quyền ngày 11/7/2023) (có mặt).

- *Người kháng cáo*: Bị đơn bà Hồ Thị Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Phương H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Hồ Văn Ch trình bày:

Cụ Hồ Văn M (chết năm 1994), cụ Lê Thị Đ (chết năm 2000), có 05 người con chung: Ông Hồ Văn Th (ông Th chết năm 2013, vợ ông Th là bà Nguyễn Thị B chết năm 2014), bà Hồ Thị C (chết năm 1981), bà Hồ Thị X, bà Hồ Thị Long, bà Hồ Thị T. Ông Hồ Văn Th có 05 người con: Ông Hồ Văn Tr (ông Tr chết năm 2020, có vợ là bà Hoàng Thị Thúy L và có 04 con: Anh Hồ Hoàng Thế V, anh Hồ Hoàng Anh V, chị Hồ Thị Xuân H, chị Hồ Thị Thiên H, ông Hồ Văn Th, ông Hồ Văn Ch, bà Hồ Thị Ch, bà Hồ Thị ThBà Hồ Thị Ccó 10 người con: Ông Trần Đình H (ông H chết năm 2008, có vợ là bà Lê Thị M và có 04 người con: Anh Trần Thanh PH, anh Trần Thanh Ph, anh Trần Duy Kh, chị Trần Thị Mai Th), ông Trần Đình Th, bà Trần Thị Bích L, ông Trần Đình H, bà Trần Thị Bích Ng, ông Trần Đình H, ông Trần Đình H (ông H chết năm 2008, có vợ là bà Nguyễn Thị Tr), ông Trần Đình H, ông Trần Đình H, bà Trần Thị Phương H.

Khi còn sống Cụ M và cụ Đ tạo lập được nhà cấp 4 cất trên thửa đất số 150, tờ bản đồ số 04, diện tích 300m^2 đất ở và 1590m^2 đất màu (theo đo đạc thực tế là 2.228,4m^2) và các thửa đất lúa gồm: Thửa đất số 649, tờ bản đồ số 01, diện tích 486.5m^2; thửa đất số 36, tờ bản đồ số 04, diện tích 1.666m^2; thửa đất số 284b, tờ

bản đồ số 07, diện tích 179.8m^2. Cụ M chết để lại di chúc ghi ngày 10 tháng 8 năm 1991 nhưng không đúng theo quy định pháp luật. Ngày 28 tháng 5 năm 2017 hàng thừa kế thứ nhất của cụ Đ là bà Hồ Thị X, bà Hồ Thị Th, bà Hồ Thị L làm giấy ủy quyền để lại cho ông Hồ Văn Ch nhưng không hợp pháp. Sau đó bà X, bà L, bà T yêu cầu chia di sản thừa kế, phần mình được nhận xin nhận bằng hiện vật và cho lại ông Hồ Văn Ch trọn quyền sử dụng và sở hữu theo quy định của pháp luật.

Nay ông Hồ Văn Chyêu cầu chia di sản thừa kế tài sản của cụ M và cụ Đ theo pháp luật, ông Ch xin nhận hiện vật, ai cho ông, ông xin nhận và thanh toán giá trị thừa kế của cụ M, cụ Đ cho các đồng thừa kế.

Bị đơn bà Hồ Thị Th trình bày:

Về quan hệ huyết thống, thời gian chết của cụ M, cụ Đ, bà C và cha, mẹ bà Th là ông Th, bà B cùng di sản của hai cụ M, cụ Đ để lại. Bà Th thống nhất như ông Ch trình bày.

Đối với ngôi nhà trên thửa đất số 150, tờ bản đồ số 04, khi bà Th và chồng là ông Nguyễn Thế V về ở có tu bổ, sửa chữa thêm đã được Hội đồng định giá định giá ngày 08 tháng 01 năm 2021 định giá 16.993.000đồng, bà Th xin nhận phần thừa kế của cha bà là ông Hồ Văn Th đồng thời yêu cầu nhận hiện vật là đất vì hiện nay bà Th không có chỗ ở. Tại phiên tòa phúc thẩm bà Th yêu cầu tính công tôn tạo, bảo quản di sản cho bà.

Bị đơn ông Nguyễn Thế V trình bày:

Ông thống nhất như lời trình bày của vợ ông là bà Hồ Thị Th về phần tu bổ, sửa lại nhà.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- *Bà Hồ Thị Xg, bà Hồ Thị Th, bà Hồ Thị L đồng trình bày:* Các bà thống nhất về quan hệ huyết thống, thời gian chết của cụ M, cụ Đ và tài sản của cụ Minh, cụ Đ để lại như nguyên đơn trình bày. Kỷ phần thừa kế của các bà được hưởng, các bà xin nhận bằng hiện vật và cho lại ông Hồ Văn Ch trọn quyền sở hữu và sử dụng theo quy định của pháp luật.

- *Bà Hồ Thị Ch trình bày:* Thống nhất như trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống, thời gian chết của cha, mẹ là ông Hồ Văn Th, bà Nguyễn Thị Bvà di sản của cụ Hồ Văn M, cụ Lê Thị Đ để lại. Đồng ý chia thừa kế tài sản theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà xin nhận hiện vật và cho số tài sản nhận được cho ông Hồ Văn Ch trọn quyền sở hữu và sử dụng theo quy định của pháp luật.

- *Ông Hồ Văn Th trình bày:* Thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống, thời gian chết của cụ M, cụ Đvà di sản của hai cụ để lại. Đồng ý chia thừa kế di sản của hai cụ để lại, phần ông được nhận thế vị của cha ông là Hồ Văn Th, ông xin nhận bằng hiện vật. Tại cấp phúc thẩm ông Th cung

cấp " Đơn xin từ chối nhận di sản" ngày 28/7/2022 và đồng ý để lại kỷ phần thừa kế ông được hưởng cho bà Hồ Thị Th trọn quyền sử dụng.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 23 tháng 4 năm 2021 và đơn từ chối nhận di sản của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị Thúy L, chị Hồ Thị Xuân H, chị Hồ Thị Thiên H, anh Hồ Hoàng Anh V, anh Hồ Hoàng Thế Vđồng trình bày:* Thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống, thời gian chết của cha, chồng là ông Hồ Văn Tr và di sản của cụ Minh, cụ Đờn để lại. Đồng ý chia thừa kế di sản của cụ M, cụ Đvà yêu cầu nhận hiện vật nhưng cho lại bà Hồ Thị Thtrọn quyền sử dụng.

- *Bà Trần Thị Bích L, bà Trần Thị Bích Ng, bà Trần Thị Phương H đồng trình bày:* Thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống, thời gian chết của cụ M, cụ Đvà di sản của hai cụ để lại. Đồng ý chia thừa kế di sản của cụ M, cụ Đ, phần các bà được nhận thừa kế chuyển tiếp của mẹ là bà Hồ Thị C, các bà xin nhận bằng hiện vật.

- *Bà Lê Thị M trình bày:* Bà Lê Thị M là vợ của ông Trần Đình H (chết năm 2008), bà và ông H có 04 người con: Anh Trần Thanh Ph, anh Trần Thanh Ph, anh Trần Duy Kh, chị Trần Thị Mai Th. Thống nhất về quan hệ huyết thống cũng như di sản của cụ M, cụ Đđể lại, phần bà được nhận bà xin nhận bằng hiện vật.

- *Bà Nguyễn Thị Tr trình bày:* Bà Nguyễn Thị Tr là vợ của ông Trần Đình H (chết năm 2008), bà Tr và ông H có 02 con chung: Cháu Trần Trúc Qvà cháu Trần Bảo T. Bà Tr thống nhất về quan hệ huyết thống cũng như di sản của cụ M, cụ Đ để lại, phần của bà bà xin nhận bằng hiện vật.

- *Ông Trần Đình Hg trình bày*: Về quan hệ huyết thống cũng như di sản của cụ M, cụ Đđể lại ông thống nhất như nguyên đơn trình bày, kỷ phần thừa kế của ông, ông cho lại cha ông là ông Trần Đình H trọn quyền sử dụng.

- *Ông Trần Đình H trình bày:* Về quan hệ huyết thống như di sản của cụ M, cụ Đđể lại, phần ông được nhận ông xin nhận.

- *Ông Trần Đình H trình bày:* Về quan hệ huyết thống, di sản của cụ Minh, cụ Đờn để lại ông thống nhất như nguyên đơn trình bày, phần thừa kế của ông, ông cho lại ông Hồ Văn Ch sử dụng.

- *Ông Trần Đình Thịnh trình bày:* Về quan hệ huyết thống, di sản của cụ Minh, cụ Đờn để lại ông thống nhất như nguyên đơn trình bày, phần thừa kế của ông, ông cho lại cho ông Hồ Văn Chương sử dụng.

- *Ông Trần Đình H trình bày*: Về quan hệ huyết thống, di sản của cụ Minh, cụ Đờn để lại ông thống nhất như nguyên đơn trình bày, phần thừa kế của ông, ông cho lại cho ông Hồ Văn Ch sử dụng.

- *Ông Trần Đình Htrình bày:* Về quan hệ huyết thống, di sản của cụ Minh,

cụ Đờn để lại ông thống nhất như nguyên đơn trình bày, phần thừa kế của ông, ông cho lại cho ông Hồ Văn Ch sử dụng.

Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Phù Cát đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của nguyên đơn ông Hồ Văn Chương.

2. Giao nhà, đất ở thửa đất số 150, tờ bản đồ số 04, diện tích 2.528,4m^2 trong đó có 300m^2 đất ở, còn lại đất m (màu); thửa đất số 36, tờ bản đồ số 04, diện tích 1.666m^2 đất trồng lúa nước; thửa đất số 649, tờ bản đồ số 01, diện tích 486.5m^2 đất trồng lúa nước; thửa đất số 284b, tờ bản đồ số 07, diện tích 179.8m^2 đất trồng lúa nước; ngôi nhà, 01 giếng đào và một số vật kiến trúc trên thửa đất số 150, tờ bản đồ số 04 (diện tích 300m^2 đất ở) gồm 02 cây xoài, 02 cây điều, 70 bụi tre, 09 cây mít, 01 cây ổi, 01 cây bạch đàn cho ông Hồ Văn Ch trọn quyền sử dụng và sở hữu theo quy định của pháp luật.

3. Buộc ông Hồ Văn Ch phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông Trần Đình H, ông Trần Đình H, ông Trần Đình H (cho người nhận là bà Lê Thị M, anh Trần Duy Kh, anh Trần Thanh Ph), ông Trần Đình H (cho người nhận là bà Nguyễn Thị TR), bà Trần Thị Bích L, bà Trần Thị Bích Ng và bà Trần Thị Phương H mỗi người 24.784.000đ (hai mươi bốn triệu bảy trăm tám mươi bốn nghìn đồng); cho bà Hồ Thị Th và ông Nguyễn Thế V 116.131.000^đ (một trăm mười sáu triệu một trăm ba mươi mốt nghìn đồng); cho ông Hồ Văn Th 49.569.000^đ (bốn mươi chín triệu năm trăm sáu mươi chín nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 01 tháng 8 năm 2022, bị đơn bà Hồ Thị Thcó đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, không thống nhất với nội dung bản án sơ thẩm đã tuyên. Yêu cầu được nhận di sản thừa kế bằng hiện vật và yêu cầu được nhận 01 kỷ phần thừa kế do có công sức đóng góp, quản lý, bảo quản di sản.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Phương H kháng cáo không đồng ý nội dung bản án sơ thẩm đã tuyên. Yêu cầu được nhận di sản thừa kế bằng hiện vật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Hồ Thị Th, không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Trần Thị Phương H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa phúc thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thế V, bà Hoàng Thị Thúy L, anh Hồ Hoàng Thế V, chị Hồ Thị Xuân H, anh Hồ Hoàng Anh V, chị Hồ Thị Thiên H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Xét nội dung kháng cáo của bà Hồ Thị Thanh và nội dung kháng cáo của bà Trần Thị Phương H, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về hàng thừa kế và di sản thừa kế các bên đương sự khai thống nhất. Cụ Lê Thị Đ chết không để lại di chúc. Di sản cụ Đ để lại gồm: Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 04, diện tích 2.910,2m^2 (300m^2 đất ở, và 2.610.2m^2 đất m (màu) (theo đo đạc thực tế) cùng ngôi nhà, công trình phụ và các cây lâu niên có trên đất; thửa đất số 36, tờ bản đồ số 04, diện tích 1.666m^2 đất trồng lúa nước; thửa đất số 649, tờ bản đồ số 01, diện tích 486.5m^2 đất trồng lúa nước; thửa đất số 284b, tờ bản đồ số 07, diện tích 179.8m^2 đất trồng lúa nước. Các tài sản trên đều tọa lạc tại thôn Đại Ân, xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định hiện đã được Ủy ban nhân dân huyện Phù Cát cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ cụ Lê Thị Đ. Tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hộ cụ Lê Thị Đ chỉ có một mình cụ Đờn. Theo quy định tại Điều 651 và Điều 652 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì những người thừa kế hàng thừa kế thứ nhất, hàng thừa kế thứ hai và người thừa kế thế vị của cụ Đ được phân chia di sản theo quy định pháp luật gồm có 05 người con gồm: Ông Hồ Văn Th, bà Hồ Thị C, bà Hồ Thị X, bà Hồ Thị L, bà Hồ Thị T. Ông Hồ Văn Th chết năm 2013 nên 05 người con của ông Thg được hưởng thừa kế chuyển tiếp gồm: Ông Hồ Văn Trông Hồ Văn Th, ông Hồ Văn Chương, bà Hồ Thị Ch và bà Hồ Thị Th; ông Trung chết nên các con của ông Trung là anh Hồ Hoàng Thế V, anh Hồ Hoàng Anh V, chị Hồ Thị Thiên H, chị Hồ Thị Xuân H được hưởng phần thừa kế của ông Tr. Bà Hồ Thị Cchết năm 1981 nên 10 người con của bà C được hưởng thừa kế chuyển tiếp gồm: Ông Trần Đình H, ông Trần Đình Th, bà Trần Thị Bích L, ông Trần Đình H, bà Trần Thị Bích Ng, ông Trần Đình H, ông Trần Đình H, ông Trần Đình H, ông Trần Đình H, bà Trần Thị Phương H; ông H chết nên các con của ông H là: Anh Trần Thanh Ph, anh Trần Thanh Ph, anh Trần Duy Kh, chị Trần Thị Mai Thđược hưởng phần thừa kế của ông H; ông H chết nên 02 con của ông Hân là cháu Trần Trúc Q, sinh ngày 17 tháng 10 năm 2004 và cháu Trần Bảo Tr, sinh ngày 08 tháng 3 năm 2007 được

hưởng phần thừa kế của ông H; cháu Q và cháu Hchưa đủ 18 tuổi nên mẹ hai cháu cũng là vợ ông H là bà Nguyễn Thị Tr là người giám hộ hai cháu. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định chia di sản của cụ Đ để lại cho các con cháu của cụ Đ như đã nên trên là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Xét yêu cầu nhận hiện vật là quyền sử dụng đất và công tôn tạo, bảo quản của bà Th, thấy rằng:

[2.2.1] Bà Hồ Thị Th đã ở trong ngôi nhà của cụ Đ từ năm năm 2000 cho đến nay và đã có công bảo quản, tôn tạo di sản thừa kế của cụ Đờn để lại nên căn cứ vào Điều 618 Bộ luật dân sự và án lệ số 05/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án tối cao thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì bà Th được thanh toán chi phí bảo quản di sản tương đương với giá trị một kỷ phần thừa kế. Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét công bảo quản di sản của bà Thanh là không đúng theo quy định của pháp luật.

[2.2.2] Như vậy, di sản là thửa đất số 150, tờ bản đồ số 4, diện tích thực tế 2.910,2m^2 (300m^2 đất ở và 2.610,2m^2 đất vườn) của cụ Đờn, được chia đều 05 kỷ phần thừa kế cho 05 người con của cụ Đờn và 01 kỷ phần chi phí bảo quản di sản. Cụ thể là: 300m^2 đất ở : 6 = 50m^2 đất ở; 2.610,2m^2 đất vườn :6 = 435m^2 đất vườn. Vậy 01 kỷ phần bảo quản di sản bà Th được hưởng là 50m^2 đất ở và 435m^2 đất vườn. Ngoài ra, bà Th còn được hưởng 1/5 kỷ phần thừa kế mà ông Hồ Văn Thượng được hưởng kỷ phần thừa kế của cụ Đ (50m^2 đất ở : 5 = 10 m^2, 435m^2 đất vườn : 5 = 87m^2 đất vườn) và 1/5 kỷ phần thừa kế do vợ và các con của ông Hồ Văn Tr cho lại cho bà Th trọn quyền sử dụng. Như vậy, tổng cộng phần thừa kế bà Th được nhận là: 679m^2, trong đó 70m^2 đất ở và 609m^2 đất vườn.

[2.2.3] Đối với việc bà Th yêu cầu được nhận phần thừa kế của ông Hồ Văn Th cho bà với lý do, sau khi xét xử sơ thẩm bà Th cung cấp " Đơn xin từ chối nhận di sản" của ông Hồ Văn Th viết ngày 28/7/2022 có nội dung ông Th xin nhận phần thừa kế bằng hiện vật và cho lại cho bà Thsử dụng, nhưng sau khi xét xử sơ thẩm ông Thchấp nhận với nội dung của bản án sơ thẩm, không kháng cáo nên cấp phúc thẩm không xem xét nội dung trên của ông Th đồng thời không chấp nhận yêu cầu của bà Th được nhận phần thừa kế của ông Th

[2.3] Xét yêu cầu nhận hiện vật là quyền sử dụng đất của bà Trần Thị Phương H, thấy rằng:

[2.4] Bà H chỉ được hưởng 1/10 kỷ phần thừa kế mà bà Hồ Thị Cđược hưởng kỷ phần thừa kế của cụ Đờn là 05 m^2 đất ở và 43,5m^2 đất vườn (50m^2 đất ở : 10 = 05 m^2, 435m^2 đất vườn : 10 = 43,5m^2). Do đó, diện tích đất của mà bà H được sử dụng không đủ điều kiện tách thửa theo quy định tại Quyết định số 40/2014/QĐ-

UBND ngày 25 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định. Sau khi xét xử sơ thẩm,bà Hcung cấp các " Đơn xin từ chối nhận di sản" của bà Nguyễn Thị Tr, bà Trần Thị Bích Ng, bà Trần Thị Bích L, ông Trần Đình H, bà Lê Thị M, ông Trần Đình H, chị Trần Thị Mai Th, anh Trần Duy Kh, anh Trần Thanh Ph, anh Trần Thanh Ph, ông Trần Đình Th, ông Trần Đình H, ông Trần Đình H, có nội dung để lại phần thừa kế của mình được hưởng cho bà H trọn quyền sử dụng, nhưng sau khi xét xử sơ thẩm các ông bà trên chấp nhận với nội dung của bản án sơ thẩm, không kháng cáo nên cấp phúc thẩm không xem xét nội dung trên của các ông bà đồng thời không chấp nhận yêu cầu của bà H xin được nhận phần thừa kế của những người nói trên và không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Hxin được nhận hiện vật.

[3] Theo biên bản định giá ngày 09/5/2023 thì giá đất ở theo giá thị trường là 2.500.000đồng/m^2, giá đất vườn là 300.000đồng/m^2 ; giá đất lúa tại thửa 36, tờ bản đồ số 4 có giá 65.000đồng/m^2; giá đất lúa tại thửa 469, tờ bản đồ số 1 và thửa 284B, tờ bản đồ số 7 có giá 68.000đồng/m^2; 01 ngôi nhà cùng công trình phụ và các cây lâu niên có trên đất có tổng giá trị là: 72.627.770 đồng. Tổng giá trị tài sản cụ Đờn để lại là: 1.750.524.770đồng (một tỷ bảy trăm năm mươi triệu năm trăm hai mươi bốn nghìn bảy trăm bảy mươi đồng) trừ 16.993.000 đồng tiền bà Hồ Thị Th và ông Nguyễn Thế V tu bổ nhà, còn lại là 1.773.531.770 đồng.

[3.1] Di sản của cụ Đ được chia đều cho 05 người con của cụ Đờn mỗi người được nhận 346.706.354 đồng. Các con của ông Hồ Văn Th mỗi người được nhận 69.341.270 đồng.

[3.2] Chia giao cho ông Hồ Văn Chư được trọn quyền sử dụng phần đất có diện tích 2.231,2m^2 (230m^2 đất ở, 2.001,2m^2 đất vườn) (phần B) và sở hữu ngôi nhà, công trình phụ và các cây lâu niên có trên đất có giới cận:

-Đông giáp đường bê tông;

-Tây giáp đất nông nghiệp thửa đất 24, tờ bản đồ 39;

-Nam giáp nhà thờ Đại Ân và lối vào nhà;

- Bắc giáp đất chia cho bà Hồ Thị Th.

(Có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

[3.3] Chia giao cho bà Hồ Thị Th được trọn quyền sử dụng phần đất có diện tích 679m^2 (70m^2 đất ở và 609m^2 đất vườn) (phần A) cùng hai cây mít có trên đất, có giới cận:

-Đông giáp đường bê tông;

-Tây giáp đất nông nghiệp thửa đất 24, tờ bản đồ 39;

-Nam giáp phần đất chia cho ông Hồ văn Chương;

- Bắc giáp trường tiểu học Cát Nhơn.

(Có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

[3.4] Buộc ông Hồ Văn Ch phải thanh toán lại giá trị kỷ phần thừa kế cho những người sau:

+Ông Hồ Văn Th: 69.341.270 đồng;

+Ông Trần Đình H, ông Trần Đình H, bà Trần Thị Bích L, bà Trần Thị Bích Ng, bà Trần Thị Phương H, bà Nguyễn Thị Tr (là người giám hộ cho cháu Trần Trúc Quỳnh và cháu Trần Bảo Trân) mỗi người 34.670.635 đồng. Bà Lê Thị M, anh Trần Duy Kh, anh Trần Thanh Ph, Trần Thanh Ph, Trần Thị Mai Th 34.670.635 đồng (bà Lê Thị Mai là người đại diện nhận).

[3.5] Buộc ông Hồ Văn Ch phải thanh toán lại giá trị tiền sửa chữa ngôi nhà cho ông Nguyễn Thế V và bà Hồ Thị Th là: 16.933.000 đồng nhưng được trừ tiền hai cây mít có giá trị 1.000.000 đồng (500.000đồng/cây) hiện giao cho bà Thanh sử dụng còn lại là: 15.933.000 đồng.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng của bà Hồ Thị Th, không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Trần Thị Phương H, sửa bản án sơ thẩm.

[5]Về chi phí tố tụng và án phí:

[5.1] Chi phí định giá tài sản: Hai lần ở cấp sơ thẩm và phúc thẩm là 20.000.000đồng. Ông Hồ Văn Ch và bà Hồ Thị Th mỗi người phải chịu 7.000.000 đồng, ông Hồ Văn Th chịu 3.000.000 đồng. Ông Trần Đình H, bà Trần Thị Phương H, bà Trần Thị Bích L, bà Trần Thị Bích Ng, bà Nguyễn Thị Tr mỗi người phải chịu 500.000 đồng. Bà Th đã tạm ứng trước 10.000.000 đồng; ông Ch, bà H mỗi người đã tạm ứng 5.000.000 đồng. Do đó, buộc ông Ch phải trả lại cho bà Th2.000.000 đồng. Ông Trần Đình H và bà Nguyễn Thị Tr mỗi người phải trả lại cho bà Hồ Thị Th 500.000 đồng. Ông Hồ Văn Th phải trả lại cho bà Trần Thị Phương H 3.000.000 đồng. Bà Trần Thị Bích L, bà Trần Thị Bích Ng mỗi người trả lại cho bà Trần Thị Phương H 500.000 đồng. Anh Trần Duy Kh, anh Trần Thanh Ph, Trần Thanh Ph, Trần Thị Mai Th cùng liên đới trả lại cho bà Trần Thị Phương H 500.000 đồng.

[5.2] Về án phí:

[5.2.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội thì Ông Hồ Văn Ch phải chịu 71.896.177 đồng. Bà Hồ Thị Th phải chịu 22.367.390 đồng. Ông Nguyễn Thế V phải chịu 423.325 đồng. Ông Hồ Văn Th phải chịu 3.467.063 đồng. Ông Trần Đình H, ông Trần Đình H, bà Trần Thị Bích L, bà Trần Thị Bích Ng, bà Trần Thị Phương H và bà Nguyễn Thị Trmỗi người phải chịu 1.733.531 đồng. Anh Trần Duy Kh, anh Trần Thanh PhTrần

Thanh Ph, Trần Thị Mai Th cùng liên đới chịu 1.733.531 đồng.

[5.2.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội thì bà Th và bà H mỗi người không phải chịu 300.000 đồng.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Hồ Thị Th, không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Phương H, sửa bản án dân sự sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 623, 649, 650, 651 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ điểm a, khoản 7 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bà Hồ Thị Th. Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Phương H.

2. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Phù Cát.

3. Chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của nguyên đơn ông Hồ Văn Ch đối với di sản của cụ Lê Thị Đ.

4. Chia giao cho ông Hồ Văn Ch được trọn quyền sử dụng phần đất có diện tích 2.231,2m^2 (230m^2 đất ở, 2.001,2m^2 đất vườn) (phần B) và sở hữu ngôi nhà, công trình phụ và các cây lâu niên có trên đất, có giới cận:

-Đông giáp đường bê tông;

-Tây giáp đất nông nghiệp thửa đất 24, tờ bản đồ 39;

-Nam giáp nhà thờ Đại Ân và lối vào nhà;

- Bắc giáp đất chia cho bà Hồ Thị Thanh.

(Có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

5. Chia giao cho bà Hồ Thị Th được trọn quyền sử dụng phần đất có diện tích 679m^2 (70m^2 đất ở và 609m^2 đất vườn) (phần A) cùng hai cây mít có trên đất, có giới cận:

-Đông giáp đường bê tông;

-Tây giáp đất nông nghiệp thửa đất 24, tờ bản đồ 39;

-Nam giáp phần đất chia cho ông Hồ văn Chương;

- Bắc giáp trường tiểu học Cát Nhơn.

(Có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

6. Buộc ông Hồ Văn Ch phải thanh toán lại giá trị kỷ phần thừa kế cho những người sau:

6.1. Ông Hồ Văn Th: 69.341.270 đồng (sáu mươi chín triệu ba trăm bốn mươi mốt nghìn hai trăm bảy mươi đồng);

6.2. Ông Trần Đình H, ông Trần Đình H, bà Trần Thị Bích L, bà Trần Thị Bích Ng, bà Trần Thị Phương H, bà Nguyễn Thị Tr (là người giám hộ cho cháu Trần Trúc Q và cháu Trần Bảo Tr) mỗi người 34.670.635 đồng (ba mươi bốn triệu sáu trăm bảy mươi nghìn sáu trăm ba mươi lăm đồng). Bà Lê Thị M, anh Trần Duy Kh, anh Trần Thanh Ph, Trần Thanh Ph, Trần Thị Mai Th 34.670.635 đồng (ba mươi bốn triệu sáu trăm bảy mươi nghìn sáu trăm ba mươi lăm đồng) (bà Lê Thị Mai là người đại diện nhận).

7. Buộc ông Hồ Văn Ch phải thanh toán lại giá trị tiền sửa chữa ngôi nhà cho ông Nguyễn Thế V và bà Hồ Thị Th là: 16.933.000 đồng nhưng được trừ tiền hai cây mít có giá trị 1000.000 đồng (500.000đồng/cây) hiện giao cho bà Thanh sử dụng, còn lại là: 15.933.000 đồng (mười lăm triệu chín trăm ba mươi ba ba nghìn đồng).

8. Về chi phí tố tụng và án phí:

8.1. Chi phí định giá tài sản: 20.000.000đồng (hai mươi triệu đồng), ông Hồ Văn Ch và bà Hồ Thị Th mỗi người phải chịu 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng), ông Hồ Văn Th chịu 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Ông Trần Đình H, bà Trần Thị Phương H, bà Trần Thị Bích L, bà Trần Thị Bích Ng, bà Nguyễn Thị Tr mỗi người phải chịu 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng). Bà Hồ Thị Th đã tạm ứng trước 10.000.000 đồng (mười triệu đồng); ông Hồ Văn Ch và bà Trần Thị Phương à mỗi người đã tạm ứng 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Buộc ông Hồ Văn Ch phải trả lại cho bà Hồ Thị Th 2.000.000 đồng(hai triệu đồng). Ông Trần Đình H và bà Nguyễn Thị Tr mỗi người phải trả lại cho bà Hồ Thị Th500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng). Ông Hồ Văn Th phải trả lại cho bà Trần Thị Phương H 3.000.000

đồng (ba triệu đồng). Bà Trần Thị Bích L, bà Trần Thị Bích Ng trả mỗi người trả lại cho bà Trần Thị Phương H 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng). Anh Trần Duy Kh, anh Trần Thanh PhTrần Thanh Ph, Trần Thị Mai Th cùng liên đới trả lại cho bà Trần Thị Phương H 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng).

8.2. Về án phí:

8.2.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hồ Văn Ch phải chịu 71.896.177 đồng (bảy mươi mốt triệu tám trăm chín mươi sáu nghìn một trăm bảy mươi bảy đồng). Bà Hồ Thị Th phải chịu 22.367.390 đồng (hai mươi hai triệu ba trăm sáu mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi đồng). Ông Nguyễn Thế V phải chịu 423.325 đồng (bốn trăm hai mươi ba nghìn ba trăm hai mươi lăm đồng). Ông Hồ Văn Th phải chịu 3.467.063 đồng (ba triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn không trăm sáu mươi ba đồng). Ông Trần Đình H, ông Trần Đình H, bà Trần Thị Bích L, bà Trần Thị Bích Ng, bà Trần Thị Phương H và bà Nguyễn Thị Tr mỗi người phải chịu 1.733.531 đồng (một triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn năm trăm ba mươi mốt đồng). Anh Trần Duy Kh, anh Trần Thanh Ph, Trần Thanh Ph, Trần Thị Mai Th cùng liên đới chịu 1.733.531 đồng (một triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn năm trăm ba mươi mốt đồng).

8.2.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội thì bà Th và bà H mỗi người không phải chịu 300.000 đồng.

Hoàn trả lại cho bà Hồ Thị Th và bà Trần Thị Phương H mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0011570 ngày 01/8/2022 và biên lai thu số 0011566 ngày 29/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cát.

9. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

10. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án.

10.1. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

10.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

11. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HĐXX **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Công Phương **Phan Minh Dũng** **Đỗ Thị Thắm**

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện Phù Cát;
- Chi cục THADS huyện Phù Cát;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đỗ Thị Thắm